

THẾ SỰ XOAY VẦN (Bài 2)

Lê Việt Thường

Đề Tài : KHI “NHÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC” XUYÊN TẠC VĂN HÓA VIỆT



Trong bài viết các tháng trước, chúng tôi có phát biểu như sau: “*Trước khi bắt đầu với đề mục mới này của “Minh Triết Việt” và sau khi “đánh” một vòng mạng Internet để thu thập dữ kiện cho bài viết đầu tiên, thì một ý tưởng thoáng hiện trong đầu, gọi cho chúng tôi cái Tựa Đề bằng tiếng Anh là “VIỆT Bashing” tạm dịch “VN bị ‘đánh hội đồng’”.*

Để dẫn chứng, chúng tôi xin đưa ra hai thí dụ **điển hình**, mà trường hợp thứ nhất đã được trình bày trong các tháng trước (1) Còn trường hợp thứ hai thì xin được đề cập cùng với Quý Độc Giả trong bài viết dưới đây:

Trường Hợp Thứ Hai:

Đại khái tác giả của một bài viết khác gần đây tuyên bố rằng Việt Nam là một Dân Tộc “Mù Chũ”!

Tác giả viết: “Kết thúc bài “*Người Việt Nam lười viết*“, tôi nêu lên câu hỏi: Tại sao người Việt, nói chung, lười viết thư và nhật ký như vậy?

Tôi ngờ lý do chính là tình trạng mù chũ cả hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam. Theo tôi, tình trạng mù chũ phổ biến và kéo dài này chính là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc định hình diện

mao của nền văn học Việt Nam từ xưa đến nay. (LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh) Chứ không phải là truyền thống chống ngoại xâm, chống thiên tai, nạn phong kiến kéo dài hay truyền thống hoà đồng các luồng tư tưởng lớn của Đông Phương (Nho, Phật và Lão) như điều mà giới nghiên cứu văn học Việt Nam lâu nay thường khẳng định.

Cho sự mù chữ ấy là một truyền thống của Việt Nam có thể làm cho nhiều người cảm thấy như bị thương tổn. Tuy nhiên không thể vì tự ái mà né tránh sự thật. Chắc chắn hiện tượng mù chữ kéo dài ấy đã để lại rất nhiều dấu ấn trong nền văn học dân tộc. Tìm hiểu và ghi nhận những dấu ấn ấy may ra cũng là một cách để thoát dần ra khỏi nhà tù của quá khứ vốn, theo tôi, là một trong những nguyên nhân chính khiến nền văn học Việt Nam lâu nay cứ trì trệ mãi” (2)

Nhằm biện minh cho lời khẳng định của mình ở trên, tác giả lập luận như sau: “Chữ Hán, với người Việt Nam..... là thứ ngôn ngữ học thuật chứ không phải thứ ngôn ngữ giao tiếp. Về phương diện văn hoá, những trí thức chỉ biết chữ Hán là những người biết chữ, hơn nữa, có thể là một bậc thông thái, bởi vì thứ tử ngữ mà họ thông thạo ấy có thể giúp họ thu lượm được khá nhiều kiến thức kim cổ. (LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh).(3)

Chúng tôi xin được phản bác lập luận trên của tác giả như sau: Có lẽ tác giả vì chưa có dịp gọi là “*ngiên cứu*” hiện tượng tương tự trong một nền Văn Hóa khác khiến tác giả **tưởng rằng** đó là nét đặc thù của Văn Hóa Việt, đưa tới lời phát biểu “đao to búa lớn” như trên, trong khi trên thực tế, đó là một sự kiện đã từng xảy ra trong lịch sử của nhiều nền Văn Hóa khác nhau!

Xin đơn cử một **thí dụ tương tự** trong lịch sử nền Văn Hóa Pháp không xa lạ đối với nhiều người trong giới Trí Thức Việt.

Trong đoạn văn nêu trên của tác giả , chỉ cần thay đổi “*chữ Hán*” bằng “*chữ La Tinh*” và “*người Việt Nam*” bằng “*người Pháp*” thì

chúng ta có thể áp dụng “nguyên con” lập luận nêu trên của tác giả cho trường hợp nước Pháp như sau:

“Chữ La Tinh, với người Pháp..... là thứ ngôn ngữ học thuật chứ không phải thứ ngôn ngữ giao tiếp. Về phương diện văn hoá, những trí thức chỉ biết chữ La Tinh là những người biết chữ, hơn nữa, có thể là một bậc thông thái, bởi vì thứ từ ngữ mà họ thông thạo ấy có thể giúp họ thu lượm được khá nhiều kiến thức kim cổ”

Thật vậy, tiếng La Tinh trong một thời gian dài hàng thế kỷ là ngôn ngữ **Bác Học** đối với các dân tộc Âu Châu (riêng đối với nước Pháp, còn là ngôn ngữ trong lãnh vực Giáo Dục từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ 17), cũng như là ngôn ngữ của Giáo Hội Công Giáo.

Tiếng La Tinh còn là ngôn ngữ **“sống”** (tức trái với “từ ngữ” và tương tự chữ Nho đối lớp Sĩ Phu Việt trước kia) cho một số thành phần trong xã hội Pháp và Âu Châu xưa kia như các giới Luật Sư, Giáo Sĩ, Văn Học, Khoa Học..... Những nhà chuyên nghiệp này đọc, viết và nói bằng tiếng La Tinh, ngoài tiếng “mẹ đẻ” của họ cũng như thường thông thạo tiếng La Tinh hơn cả tiếng “mẹ đẻ” của họ nữa !

Tiếng La Tinh còn tỏ ra rất hữu ích giúp giới Trí Thức Pháp vào thời kỳ nói trên, giao tiếp với cái mà ngôn ngữ ngày nay gọi là “**cộng đồng quốc tế**” đương thời cũng như với di sản quá khứ của nền Văn Hóa Tây Phương.(4)

Tác giả bài viết phát biểu tiếp:

“**Nhưng về phương diện văn học, theo tôi, họ lại là những kẻ mù chữ: họ không viết ra được cái thứ tiếng mà họ thường dùng để tâm tình với người thân hay thường nói thầm trong đầu, cái thứ tiếng đã tan hoà vào trong máu thịt, trong từng nhịp thở và từng giấc mơ của họ. Khóic óc của họ thì ăm ắp chữ nghĩa mà trái tim của họ thì lại mù chữ. Khi muốn tự thể hiện họ, họ phải đóng vai một người khác, sử dụng một thứ ngôn ngữ khác.**”

Biết chữ, với người Việt Nam, chỉ có nghĩa là biết chữ Nôm hay chữ quốc ngữ. (LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh).(5)

Ở đây theo thiên ý, sở dĩ tác giả có những lời phát biểu như trên, có lẽ vì thiếu kinh nghiệm về việc học hỏi một ngoại ngữ một cách rất sớm sủa, tức từ thuở rất ấu thơ giúp người học đạt tới trình độ tinh thông ngoại ngữ nói trên không thua kém gì khi so sánh với trình độ của chính tiếng “mẹ đẻ” của mình !

Nếu làm được như trên thì đương sự vẫn là đương sự, một con người duy nhất dẫu phải xử dụng ngoại ngữ hay tiếng “mẹ đẻ” trong công việc sáng tác, lẽ dĩ nhiên với điều kiện là khi sáng tác trong ngôn ngữ nào thì phải suy tư và cảm nghĩ trong ngôn ngữ đó. Điều tối kỵ ở đây là chẳng hạn suy nghĩ bằng tiếng “mẹ đẻ” của mình rồi tự “dịch” thảm trong đầu ra ngoại ngữ được xử dụng để diễn đạt hoặc ngược lại.

Nếu hội đủ các điều kiện nói trên thì khối óc của đương sự có thể vừa âm ắp chữ nghĩa đồng thời trái tim của đương sự cũng có thể đồng điệu với khối óc tức trái với lập luận nêu trên của tác giả, **KHÔNG mù chữ chút nào !!!**

Lẽ dĩ nhiên, vì mỗi ngôn ngữ có tinh thần và nét đặc trưng riêng của nó, thì “sản phẩm” bằng ngoại ngữ trong thực tế có thể xuất hiện có vẻ “tây” hơn một chút so với “sản phẩm” bằng tiếng “mẹ đẻ” nhưng trong đại thể cũng như trong hầu hết các chi tiết vẫn có thể Nhất Quán với nhau mà hệ quả và cũng là điều quan trọng nhất ở đây như đã nói ở trên và xin được lập lại rằng đương sự vẫn là đương sự, một con người duy nhất dẫu phải xử dụng ngoại ngữ hay tiếng “mẹ đẻ” trong công việc sáng tác

-

Điều trên còn đúng hơn nữa đối với trường hợp chữ Nho và chữ Nôm do mối liên hệ thâm sâu và lâu đời giữa chữ Nho, văn hóa Nho và Việt Tộc.

Thật vậy, “chữ Nho ta thấy ngày nay **mới có từ đời Tần** (thế kỷ thứ ba tr.c.n) và gọi là chữ Lệ. Đó là thứ chữ cuối cùng do Tần Thuỷ Hoàng thống nhất nước Tàu thì cũng thống nhất chữ Nho luôn.

Còn trước nhà Tần thì có rất nhiều kiểu viết, nhưng nổi hơn cả là **chữ con quăng** cũng gọi là **khoa đầu** và trước nữa có **chữ chân chim** (điều tích tự). Hai thứ chữ này là của **Việt tộc**, liên hệ ngầm với hai vật biểu **Tiên Rồng** của ta. Tiên là chim nên chữ gọi là chân chim; còn rồng là xà long, giao long mà long là vua loài bò sát, vì thế khi tượng hình thì ra như con nòng nọc gọi là quăng.” (6) Hai thứ chữ này có lâu đời trước mãi tự thời **Hồng Bàng**” mà nơi xuất phát của họ Hồng Bàng cũng như của nòi giống Việt nằm ở Hồ Động Đình mà đầu hồ ở phía Bắc là tỉnh Hồ Bắc và cuối hồ ở phía Nam là tỉnh Hồ Nam.

Ngoài ra, hình như có một giả thuyết về chữ Nôm được “*phát kiến*” sau này mà về phương diện Nguồn Gốc theo giả thuyết này, có liên hệ xa gần với các loại chữ Nho **tối cổ** của Tổ Tiên VIỆT vừa đề cập ở trên.

Các lập luận vừa trình bày ở trên được đưa ra nhằm đóng góp vào việc phản bác đoạn văn của tác giả “**Nhưng về phương diện văn học, theo tôi, họ lại là những kẻ mù chữ: họ không viết ra được cái thứ tiếng mà họ thường dùng để tâm tình với người thân hay thường nói thắm trong đầu, cái thứ tiếng đã tan hoà vào trong máu thịt, trong từng nhịp thở và từng giấc mơ của họ. Khỏi óc của họ thì âm ập chữ nghĩa mà trái tim của họ thì lại mù chữ. Khi muốn tư thể hiện họ, họ phải đóng vai một người khác, sử dụng một thứ ngôn ngữ khác.**

Biết chữ, với người Việt Nam, chỉ có nghĩa là biết chữ Nôm hay chữ quốc ngữ. (LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh).

Tuy nhiên, ở đây chúng ta tạm giả thiết rằng lời phát biểu vừa nêu trên của tác giả có thể đúng đối với một vài trường hợp và chúng ta thử đặt mình trong dòng văn của giả thiết nói trên, nhằm so

sánh giới Sĩ Phu xưa của Việt Nam với giới Trí Thức Pháp trong cùng một hoàn cảnh. thì hình như tình trạng của giới Sĩ Phu Việt có vẻ khá hơn nhiều khi so sánh với giới Trí Thức Pháp cùng thời.

Nói cách khác, và tạm tóm tắt ý nghĩa của đoạn văn nêu trên của tác giả bằng từ ngữ “vong thân” thì đối với cái gọi là tình trạng “vong thân” mà tác giả cố “mường tượng” ra nơi giới Sĩ Phu Việt xưa do mối tương quan giữa chữ Nho với chữ Nôm thời đó, nếu chúng ta áp dụng cùng loại tiêu chuẩn nêu trên của tác giả đối với giới Sĩ Phu Việt, cho giới Trí Thức Pháp cùng thời, trong một hoàn cảnh và các điều kiện tương tự, thì hình như tình trạng “vong thân” của giới Trí Thức Pháp tỏ ra Lớn hơn gấp bội so với giới Trí Thức Việt cùng thời !

Ngoài ra, vấn đề ở đây KHÔNG chỉ đơn thuần là mối liên hệ thuần túy giữa chữ Nho và chữ Nôm hay giữa tiếng La Tinh và tiếng Pháp, mà còn xen kẽ vào đó, vấn đề Phương Ngữ trong tiếng Việt và Phương Ngữ trong tiếng Pháp nữa !

Trong lãnh vực Phương Ngữ, tuy tiếng Việt cũng có phương ngữ như tiếng Pháp nhưng có lẽ nhờ sự hình thành nước Việt là một cuộc “*Nam Tiến*” liên tục nên sự trở ngại do phương ngữ hay các tiếng địa phương tạo nên không lớn đến nỗi để trở thành Vấn Đề như trường hợp nước Pháp.

Thử so sánh sau đây số lượng cũng như một số vấn đề liên quan đến hai nước Việt và Pháp riêng về khía cạnh Phương Ngữ.

“ Ở Việt Nam chủ yếu có ba vùng phương ngữ chính: phương ngữ bắc (Bắc Bộ), phương ngữ trung (Bắc Trung Bộ), phương ngữ nam (Nam Trung Bộ và Nam Bộ). Các phương ngữ này khác nhau chủ yếu ở Ngữ Âm, rồi đến Từ Vựng, cuối cùng là một chút khác biệt Ngữ Pháp.

Sự khác biệt về Ngữ Âm là nhiều nhất, nhưng có thể đoán được. Sự khác biệt về Từ Vựng có thể dẫn đến sự hiểu lầm nhiều nhất”.

(7)

Tuy nhiên, nói chung đối với tiếng Việt trừ một vài ngoại lệ, KHÔNG có Trở Ngại hay Vấn Đề Lớn Lao nào bắt nguồn từ Phương Ngữ.

Về khía cạnh Số Lượng cũng vậy, nếu đi sâu hơn vào chi tiết, có lẽ tổng cộng cũng chỉ có khoảng từ 20 đến 30 Phương Ngữ Việt mà thôi !

Nhưng đó KHÔNG phải là trường hợp của nước Pháp !

Thật vậy, một ước tính về số lượng Phương Ngữ của nước Pháp cách đây khoảng vài thế kỷ lên đến khoảng hơn 600 Thổ Ngữ (Patois).

Một cuộc thăm dò gần đây cho *Atlas Linguistique de France* ước tính rằng hiện nay nước Pháp có khoảng 363 Thổ Ngữ (Patois). (8)

Trước khi bàn tiếp về tình trạng Phương Ngữ của nước Pháp, và cũng nhằm soi sáng thêm vấn đề này, có lẽ nên đề cập sơ qua về nguồn gốc của tiếng Pháp.

Chúng ta thường nghe nói rằng giống như tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha....., tiếng Pháp có nguồn gốc từ tiếng La-Tinh.

Trên thực tế, tiếng Pháp phải trải qua nhiều giai đoạn mới đạt được hình thức ngày nay.

Thật vậy, khi đế quốc La Mã sụp đổ tại Âu Châu do sự xâm lăng của các dân tộc gọi là “dã man” (barbare) như wisigoth, ostrogoth, burgonde, alaman, vandale..... vào khoảng thế kỷ thứ V (sau TL) thì tại Âu Châu ,tiếng La Tinh bắt đầu “*chuyển động*” để sau này trở thành tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha..... Nhưng đầu mối của sự “chuyển động” KHÔNG phải do tiếng La Tinh Cổ Điển của thế kỷ thứ I (sau TL) của người La Mã , mà là tiếng La Tinh *thông tục* mà giới bình dân của nhiều nước Âu Châu sử dụng vào thời kỳ đó.

Đối với nước Pháp, bước đầu tiên trong tiến trình từ tiếng La Tinh *thông tục* chuyển qua tiếng Pháp hiện đại là phải qua trung

gian của tiếng “Roman” có thể được xem là “*tiền thân*” của tiếng Pháp ngày nay.

Tuy nhiên, sau khi đế quốc La Mã sụp đổ, hệ thống đường sá không còn được như trước kia nữa, vậy nên sự tiếp xúc giữa các vùng miền cũng như giữa các vương quốc wisigoth, ostrogoth, burgonde, alaman, vandale, đã trở nên hiếm hoi, do đó tiếng nói của các địa phương tuy cùng một nguồn gốc “*roman*” cả, đã trở nên càng ngày càng dị biệt mà hệ quả là cái gọi là “ngôn ngữ roman thôn dã” được sử dụng tại miền Bắc nước Pháp (*vương quốc người Francs*) trở nên khác biệt khi cũng chính ngôn ngữ đó được sử dụng tại miền Nam nước Pháp và Tây Ban Nha (*vương quốc người wisigoths*) cũng như tại Ý (*vương quốc người ostrogoths*). Ngay cả trong chính biên giới của nước Pháp, ngôn ngữ nói trên mang những hình thức đặc thù khác nhau tùy theo từng địa phương, nhất là giữa các vùng miền nằm ở phía Bắc và phía Nam nước Pháp !

Tình trạng “*Phương Ngữ hóa*” tiến triển nhanh chóng giữa các năm 800 và 1000 (sau TL) còn trở nên nhanh chóng hơn nữa suốt thế kỷ XII và còn tiếp tục trong các thế kỷ kế tiếp.(9)

Sau phần trình bày cần thiết về tình trạng Phương Ngữ của hai nước Việt và Pháp ở trên, chúng ta thử xem mức độ ảnh hưởng của tình trạng nêu trên đối với cái gọi là tình trạng “Vong Thân” của giới Sĩ Phu Việt cũng như giới Trí Thức Pháp cùng thời (lẽ dĩ nhiên với giả thiết là có sự hiện hữu thực sự của cái gọi là tình trạng “*Vong Thân*” như tác giả đã khẳng định một cách gián tiếp đối với giới Sĩ Phu Việt).

Trở lại với lập luận của tác giả đối với vấn đề nêu trên rằng nguyên nhân của tình trạng “*Vong Thân*” của giới Sĩ Phu Việt theo tác giả, nằm ở chỗ khi “*Tâm Tinh*” với người thân hay tự nói thầm trong đầu thì bằng chữ Nôm, còn khi diễn đạt thì phải sử dụng chữ Nho.(nếu chúng tôi không hiểu sai ý của tác giả ở đây)

Tuy nhiên, hình như tác giả quên rằng các Sĩ Phu Việt không bị bó buộc là khi sáng tác là chỉ sáng tác bằng chữ Nho mà có thể lựa chọn giữa chữ Nho và chữ Nôm. Mà điển hình nhất có lẽ là trường hợp của Đại Thi Hào dân tộc Nguyễn Du, ngoài những tác phẩm bằng chữ Nho bình thường, Thi Bá lại còn sáng tác tuyệt phẩm của mình là “Đoạn Trường Tân Thanh” hay “Truyện Kiều” bằng chữ Nôm, chứ không bằng chữ Nho !

Vậy nên, khi so sánh với tình trạng sáng tác của giới Trí Thức Pháp cùng thời thì giới Sĩ Phu Việt tỏ ra may mắn hơn nhiều. Lý do là Sĩ Phu Việt tuy thường sáng tác bằng chữ Nho, nhưng khi cần hay muốn, có thể sáng tác bằng chữ Nôm.

Trong khi đó, đối với Trí Thức Pháp cùng thời, tương đương với chữ Nôm, (mà theo tác giả đó là loại ngôn ngữ được sử dụng khi “*Tâm Tình*” với người thân hay tự nói thầm trong đầu), là “ngôn ngữ roman thôn dã” tức một phương ngữ hoặc thổ ngữ gốc “roman” của vùng miền nơi đây đang sinh sống chứ hoàn toàn KHÔNG phải là tiếng Pháp vì cái gọi là “tiếng Pháp” thời đó không có ý nghĩa rõ ràng vì từ ngữ này có thể được sử dụng để chỉ những thực thể rất khác nhau như chẳng hạn *phương ngữ hay thổ ngữ của vùng quanh Paris (Ile de France)* hoặc trái lại *thứ ngôn ngữ đặc thù của Triều Đình Pháp* hay có khi ngay cả *những thổ ngữ của miền Bắc nước Pháp như picard, champenois, normand...vvv...(10)*

Ngoài ra, khác với chữ Nôm đối với Sĩ Phu Việt, giới Trí Thức Pháp cùng thời KHÔNG thể sử dụng một phương ngữ hoặc thổ ngữ gốc “roman” để sáng tác được !

Mà khi phải sáng tác bằng tiếng La Tinh hay ngay cả bằng tiếng Pháp thời đó thì đối với đa số trong giới Trí Thức Pháp cùng một thời kỳ, nếu nhất quán với lối lập luận của tác giả, đều có thể rơi vào tình trạng “*Khối óc của họ thì ăm ắp chữ nghĩa mà trái tim của họ thì lại mù chữ*” (đối với thổ ngữ gốc “roman” nơi họ sinh sống mà trên thực tế là tiếng “*mẹ đẻ*” của họ. “*Khi muốn tư*”

thể hiện họ, họ phải đóng vai một người khác, sử dụng một thứ ngôn ngữ khác”(tức tiếng La Tinh hoặc tiếng Pháp thời đó).

Tóm lại, KHÁC với trường hợp của chữ Nôm đối với Sĩ Phu Việt, cái gọi là “*tiếng Pháp*” vào thời đó như đã đề cập ở trên thường KHÔNG thực sự là tiếng “*mẹ đẻ*” của đa số Trí Thức Pháp cùng một thời kỳ. Mà tiếng “*mẹ đẻ*” thực sự của Trí Thức Pháp thời đó là một phương ngữ hoặc thổ ngữ gốc “roman” có khi rất khác xa với cái gọi là ‘*tiếng Pháp*’ thời đó và nhất là KHÁC với trường hợp chữ Nôm vừa là tiếng “*mẹ đẻ*” vừa là ngôn ngữ mà Sĩ Phu Việt có thể sử dụng để sáng tác (dẫu là ngôn ngữ hàng nhì so với chữ Nho) Trí Thức Pháp cùng thời thường KHÔNG thể sử dụng để sáng tác, “tiếng mẹ đẻ” của họ vì là một phương ngữ hoặc thổ ngữ gốc “roman” !

Và đó mới chính là BI KỊCH của giới Trí Thức Pháp vào thời kỳ nói trên !!!

-

Tác giả viết tiếp:”.....quan trọng hơn, thứ chữ ấy chưa bao giờ thực sự được coi trọng. Trong tâm lý của dân chúng, Nôm đồng nghĩa với quê mùa (nôm na); hơn nữa, đồng nghĩa với cả sự thiếu đứng đắn và đáng bị khinh bỉ (nôm na là cha mách quế). Cả giới cầm bút cũng không thoát khỏi tâm lý ấy, xem những tác phẩm bằng chữ Nôm là lời quê (“Lời quê góp nhặt dông dài”). Các tuyển tập văn học lớn của Việt Nam ngày xưa, từ *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương (đầu đời Lê) đến *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn, *Hoàng Việt thi tuyển* của Bùi Huy Bích... đều chỉ tập hợp các tác phẩm bằng Hán văn. Ngay đến giữa thế kỷ 19, khi viết lời tựa cho cuốn *Hoa Tiên*, Cao Bá Quát cũng còn phân vân: “Than ôi ! Lầy quốc ngữ [tức chữ Nôm] mà làm văn chương thì ta chưa dám”.

Nếu như tác giả vừa đề cập ở trên, chữ Nôm đối với chữ Nho có vẻ bị “*kỳ thị*” trên đất Việt , thì một hiện tượng tự cũng đã từng xảy ra cho tiếng Pháp đối với tiếng La Tinh trên đất Pháp vậy thôi !

Thật vậy, tại Pháp cách riêng và tại Âu Châu cách chung, tiếng La Tinh không những là ngôn ngữ của đạo Công Giáo, do đó là ngôn ngữ của giới Giáo Sĩ và các tu viện Công Giáo, mà còn là ngôn ngữ độc nhất được sử dụng trong các lãnh vực Giáo Dục, Tư Pháp và tại các dinh Chưởng Ân, đồng thời cũng là ngôn ngữ của Khoa Học và Triết Học vào thời kỳ nói trên.(11)

Giới Trí Thức Pháp và Âu Châu thời đó còn sử dụng tiếng La Tinh, như chuyên ngữ trong thế giới Công Giáo. Vậy nên, các ông Hoàng của vương quốc Pháp thời đó tự cảm thấy ít nhất trên nguyên tắc, phải biết tiếng La Tinh. Về vấn đề này, thi sĩ Eustache Deschamps (1346-1407) chẳng hạn, khẳng định một cách ví von rằng một ông Vua “mù chữ” (tức không biết tiếng La Tinh) là “một con lừa đôi vương miện” ! (12)

Giới Trí Thức Pháp thời đó do sự kiện được thâm nhuần với tiếng La Tinh từ rất sớm xưa, cũng như bị “lóa mắt” bởi các kiệt tác của thời Cổ Đại, thường có thái độ rất “khinh thường” đối với tiếng Pháp thời đó đến nỗi họ gọi thứ tiếng này là “ngôn ngữ của những kẻ ngu dốt” (la langue des ignorants).(13)

Tóm lại, **KHÔNG** chỉ chữ Nôm bị “khinh thường” đối với chữ Nho trên đất Việt, tiếng Pháp cùng thời cũng gặp một tình cảnh trương tợ đối với tiếng La Tinh trên đất Pháp vậy !!!

Tác giả viết tiếp: “Trước hết, trong hoạt động xuất bản miệng, chúng ta chỉ làm quen với khía cạnh âm thanh của ngôn ngữ, do đó, dù muốn hay không, khía cạnh âm thanh của ngôn ngữ cũng dần dần nổi bật: cho đến nay, phần lớn người Việt Nam vẫn còn bị mê hoặc bởi những câu văn mang hơi hướm biền ngẫu du dương và trầm bổng. Dần dần, một cách tự phát, chúng ta ít nhiều đồng nhất cái đẹp của văn chương với việc thuận tai. Điều này chắc chắn là gây nhiều ảnh hưởng tai hại trong lãnh vực thẩm mỹ: nó dẫn đến ưu thế của sự tròn trịa, êm ái, ngân nga. Thơ, do đó, cứ oằn mãi dưới gánh nặng của những vần điệu dễ dãi và quen thuộc. Từng được thử nghiệm cả hơn nửa thế kỷ, đến nay, thơ tự do vẫn chưa được quần chúng công nhận là... thơ có lẽ cũng vì thế”.

Lề lối “lập di, làm những điều không giống ai, trái với tự nhiên” mà tác giả có vẻ chủ trương qua đoạn văn vừa đề cập ở trên, thật ra không mới mẻ gì vì chính tại đất Pháp, ở thế kỷ XIV, người ta đã tìm ra một kẻ có hành vi rất tương tự: đó là Nicolas Oresme (1320-1382):

“*Tay*” này cũng tỏ ra “lập di” không kém Tác giả khi tuyên bố:”Điều thích hợp không phải là sử dụng những chữ thuận tai mà là những từ ngữ đặc thù trong lãnh vực Khoa Học ít nghe nói tới hay biết tới. Các từ ngữ càng khó hiểu và hiếm thấy hoặc hiếm nghe thì càng thích hợp với các bài viết có tính cách bác học”(14)

Thái độ lập di, làm những điều không giống ai, trái với tự nhiên của Nicolas Oresme gặp phải sự chỉ trích, phê phán kèm với những lời phản bác mạnh mẽ đến từ giới Trí Thức, chuyên gia đứng đầu, đảng hoàng thời đó tại Pháp, được phản ánh qua nội dung của tác phẩm chuyên luận thời đó có tựa đề “*Le Jardin de Plaisance et fleur de rhétorique*” mà chúng tôi xin được trích một đoạn sau đây:

“Thói hư tật xấu thứ năm là sự ‘bày đặt’ ra các từ ngữ mới hoặc bị “*La Tinh hóa*” một cách quá đáng, hoặc bị “*làm biến chất*” bởi những chữ rất “*chói tai nghịch nhĩ*” mà lý do là các từ ngữ này hoặc vì bị đưa vào một cách *gượng ép, trái tự nhiên* hoặc bị vay mượn một cách *bừa bãi từ tiếng La Tinh*.(15)

Sau khi xem xét một cách Tổng Quát chung chung , có lẽ đến lúc chúng ta thử nhìn vấn đề dưới khía cạnh Thống Kê như Tác giả có vẻ gợi ý sau đây. Tác giả viết:

“Cuối cùng, như là hậu quả của tất cả những sự kiện trên, chữ Nôm chưa bao giờ được phổ biến sâu rộng. Số người biết chữ Hán đã ít; số người biết chữ Nôm hẳn lại càng ít hơn.

Ít là bao nhiêu? Theo David G. Marr, tác giả cuốn *Vietnamese Tradition on Trial 1920-1945*, vào cuối thập niên 30 của thế kỷ này, khoảng 10 phần trăm dân số Việt Nam biết chữ; trước đó hơn 10 năm, vào giữa thập niên 1920, con số này chỉ hơn năm phần

trăm mà thôi. Trước thế kỷ 20, trong thời Hán học thì sao? David G. Marr đoán là có thể đến khoảng 25 phần trăm những người trên 15 tuổi có thể biết khoảng vài trăm từ Nôm và Hán Việt đủ để đọc được gia phả và các loại văn bằng hay khế ước thông thường. Không ai biết chính xác con số những người biết chữ Hán và chữ Nôm đến trình độ có thể sáng tác hay thưởng thức các tác phẩm văn học. Nhưng khó tin được là nó vượt quá năm phần trăm dân số.(LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh).(16)

Muốn cho việc so sánh đạt được phần nào trình độ Nhất Quán hầu có được một sự Công Bằng tương đối, thì có lẽ phải so sánh tình trạng chữ Nôm ở thời Nho Học cực thịnh mà theo Tác giả là trước thế kỷ 20, với tình trạng tiếng Pháp ở thời “*La Tinh học*” cực thịnh thường được cho là kéo dài cho đến tận thế kỷ XVII, ngay cả thế kỷ XVIII.

Tóm lại, về chữ Nôm, dựa trên tài liệu và lập luận của David G. Marr, Tác giả cho rằng có thể đến khoảng 25 phần trăm những người trên 15 tuổi có thể biết khoảng vài trăm từ Nôm và Hán Việt đủ để đọc được gia phả và các loại văn bằng hay khế ước thông thường và “Không ai biết chính xác con số những người biết chữ Hán và chữ Nôm đến trình độ có thể sáng tác hay thưởng thức các tác phẩm văn học. Nhưng khó tin được là nó vượt quá năm phần trăm dân số.”(LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh).

Trong khi đó, về chữ Pháp, ở thế kỷ XVII dưới triều vua Louis XIV, người ta ước tính dân số của nước Pháp thời đó là 20 triệu thì chưa đầy 1 triệu người Pháp, tức chưa đầy 5% dân số Pháp biết nói tiếng Pháp thời đó. Trong số đó, người ta ước tính có khoảng 40.000 người Pháp thời đó tức chưa đầy 1% dân số Pháp biết đọc(17) huống hồ đạt đến trình độ có thể sáng tác hay thưởng thức các tác phẩm văn học như Tác giả muốn áp dụng ở trên đối với chữ Nôm !

Qua thế kỷ XVIII, dưới thời Cách Mạng Pháp người ta ước tính dân số của nước Pháp thời đó là 25 triệu thì chưa đầy 3 triệu người Pháp, tức chưa đầy 12% dân số Pháp biết nói tiếng Pháp thời đó

(18) chưa nói đến các chuyên khác như **biết đọc hay đạt đến trình độ có thể sáng tác hay thưởng thức các tác phẩm văn học!**

Phần trình bày nêu trên được đưa ra nhằm so sánh (một cách Tổng Quát cùng với sự hỗ trợ của một chút Ước Tính và Thống Kê), trong quá khứ, mối liên hệ giữa chữ Nôm và chữ Nho đối với giới Sĩ Phu Việt một bên, và bên kia mối tương quan giữa tiếng Pháp và tiếng La Tinh đối với giới Trí Thức Pháp (mà ai trong chúng ta đều biết rằng cái gọi là “giới Tây Học” Việt ngày nay, trong đó hình như có “Tác giả” thường y cứ tron vẹn trên các Phạm Trù, Tiêu Chuẩn trong các địa hạt Thẩm Mỹ, Lý Luận, Phê Bình...vvv... của nền Văn Học Pháp cách riêng, và nền Văn Học Tây Phương cách chung , thường được giới này xem như là “khuôn vàng thước ngọc”), thì qua các điều vừa được trình bày ở trên, không những tình trạng của chữ Nôm đối với chữ Nho, khi so với tình trạng của tiếng Pháp đối với tiếng La Tinh trong quá khứ **KHÔNG** tỏ ra “Lép Vế” chút nào mà tình thế có vẻ hoàn toàn **NGƯỢC LAI là đằng khác !!!**

Tóm lại, phần trình bày trên đây cho thấy **Dân Tộc VIỆT** tỏ ra **KHÔNG MÙ CHỮ CHỨT NÀO** như Tác giả Cáo Buộc một cách Bất Công, Oan Ưổng trong Bài viết của mình, ***khi đem so sánh với Bất Cứ Dân Tộc Nào*** khác trong dòng Lịch Sử, ***kể cả dân “Pha Lang Sa”*** mà đa số trong cái gọi là “giới Tây Học” thường xem như là “Mẫu Mực” trong lãnh vực Văn Học !!!

Kết luận có thể rút tĩa từ phần trình bày ở trên là *hình như* có một sự **NGỘ NHẬN Trầm Trọng** từ phía Tác giả bài viết liên quan đến chữ Nôm, chữ Nho, giới Sĩ Phu Việt và cuối cùng đối với chính Nội Dung của nền Văn Hóa VIỆT !

Về những Nguyên Nhân dẫn đến tình trạng nói trên, Tác giả có lẽ chia sẻ một số với những kẻ tự nhận là “giới Tây Học” nói chung, còn một số nguyên nhân khác có lẽ bắt nguồn từ Tính tình, Nghề nghiệp, lãnh vực Chuyên môn cũng như những Thành kiến lâu đời

của chính Tác giả, khiến cho tình trạng Ngô Nhận trở nên trầm trọng hơn bình thường !

Về những Ngô Nhận CHUNG của “*giới Tây Học*” có lẽ bắt nguồn từ “Mặc Cảm Nhược Tiểu” của giới này đối với nền Văn Minh Tây Phương mà hệ quả như đã đề cập ở trên, là giới này thường y cứ trọn vẹn trên các Phạm Trù, Tiêu Chuẩn trong các địa hạt Thẩm Mỹ, Lý Luận, Phê Bình...vvv... của nền Văn Hóa Tây Phương, mà thường KHÔNG có chút Phán Đoán nào về chính Giá Trị của các Tiêu Chuẩn, Phạm Trù mà họ noi theo !

Hình như, họ quên hay không biết rằng phần lớn những cái gọi là “*Phạm Trù, Tiêu Chuẩn*” nói trên hiện hữu từ thời Thực dân Thuộc địa, đã trở nên LỖI THỜI từ lâu và đã bị chính các Thành phần Ưu tú Nhất của giới Trí thức Tây phương ngày nay đặt lại vấn đề trong mọi địa hạt: Triết học, Chính trị, Tâm lý, Xã hội, Nhân chủng, Khoa học, Môi sinh...vvv...

Trong khi những cái gọi là “*Phạm Trù, Tiêu Chuẩn*” đã bị những Trí thức Ưu tú Nhất của Tây phương ngày nay “từ khước” vì LỖI THỜI như vừa đề cập ở trên, thì lại được “tái chế biến” bởi những kẻ tự nhận là thuộc “*giới Tây Học*” gốc Việt ngày nay như là cái gì MỚI MẸ ! Đúng là cái vòng Luẩn Quẩn !

Thời Thượng nhất hiện nay trong đám tự nhận là “*Trí thức Việt*” ngày nay có lẽ là từ ngữ DUY LÝ đến nỗi được một Diễn Đàn sử dụng như yêu tố căn bản làm nên nội dung ‘Logo’ của nhóm họ ! Về khía cạnh “*thời thượng*”, tiếp theo sau “*Duy Lý*” có lẽ là từ ngữ TRỪU TƯỢNG!

Trong khi đó, tính “Duy Lý” là điều mà các Triết gia Cự phách nhất của Tây phương cận đại như F.Nietzsche, K. Jaspers, M.Heidegger gán cho Triết Cổ điển Tây phương bị các Vị này Chê là từ Socrates vì cắt đứt với dòng Truyền thống Tâm linh Chung của Nhân loại, *Triết Tây* đã trở thành một môn học chuyên biệt cho một thiểu số cũng như không còn thực sự ơn ích gì cho Cuộc sống nữa cả!

Trong cùng chiều hướng, Giáo sư Triết học nổi tiếng G. Gusdorf cũng nhận xét rằng Triết Cổ điển Tây phương “chỉ là trò chơi của lý trí đặt bên ngoài cuộc sống cụ thể”.

Không những là một *trò chơi vô bổ*, Triết Cổ điển Tây phương khi đưa *Lý Trí* cùng với thế giới *Lý Niệm* của Plato lên đóng vai trò Độc Tôn còn là Nguyên nhân của các thứ bệnh **DUY** độc hại bên trời Tây: như “*Duy Tâm-Duy Vật*”.... đưa tới chiến tranh Ý Thức hệ đã nhiều lần đặt Nhân loại bên bờ vực thẳm của sự Diệt Vong !

Mặt khác, khi nghiên cứu Văn Hóa Việt, những đầu óc tự nhận là “*Tây Học*” thường bắt chước các tay “*Duy Lý*” Tây Phương nên chê Văn Hóa Việt và những người nghiên cứu đúng đắn nền Văn Hóa Việt là “đầy cảm tính” !

Họ quên hay không biết rằng Triết Hiện Sinh là một tiên bộ so với Triết Cổ Điển, chủ trương rằng Triết Học phải trở lại với con người KHÔNG phải trừu tượng mà con người cụ thể có thịt có xương có cảm tính. Như vậy, Hiện Sinh của Tây Phương là một Tiên Bộ, một bước đi gần lại với Văn Hóa Đông Phương dầu chưa đạt đích, có cùng chung chủ trương với Minh Triết Việt.

Lý do như khoa Tâm Lý học ngày nay cho thấy, trong con người Toàn diện, *Lý trí Ý thức* chỉ chiếm khoảng 1/10, 9/10 còn lại bao gồm *Cảm xúc, Tình cảm, Bản năng, Tiềm thức, Vô thức*.... Vì là một nền Triết Lý Nhân Sinh toàn diện nên không chỉ dạy suy tư bằng *Lý Trí*, Minh Triết Việt còn dùng đến Cảm Tính cho mục tiêu Giáo Dục, nhưng ở đây “Cảm Tính” không dừng ở đợt cảm xúc, tình cảm sướt mướt của cá nhân ích kỷ lãng mạn theo kiểu Tây Phương, mà “Cảm Tính” đã được hun đúc, tinh luyện để tiến sâu vào Nội Tâm nhằm thực hiện một cuộc Thế Nghiệm Tâm Linh nhằm đạt được trạng thái Tâm Thức “Chí Công Vô Tư” vượt lên trên tình trạng Mâu Thuẫn giữa hai thế giới “*Chủ Quan*” và “*Khách Quan*” !

Tóm lại, giống như Triết Nho là một Đạo Hành Vi, Minh Triết Việt hay Triết Lý Việt Nam là một **Đạo Sống** mà hệ quả là Triết Việt cũng như Triết Nho **KHÔNG** hạn chế vào một chiều kích nào như triết học Duy Niệm Tây Phương tự ghép mình vào cơ năng Lý Trí. Nhưng đây là cả một nền **Đạo Lý** bao la gồm con người Cu Thế bằng xương, bằng thịt không những có *lý trí*, mà còn có *tâm tình, tiềm thức, ý chí, siêu thức* Một con người Đa Kích (*multidimensional*) ăn thông với Thiên, với Địa, với Vũ Trụ, Vạn Vật. (19)

Trong khi đó, 25 thế kỷ *Triết Tây* là “lịch sử” của một nền Triết Học DUY LÝ “*lạnh lẽo, thoát xác, vô hồn*” được xử dụng như “**trò chơi chữ nghĩa**” “*vô thưởng vô phạt*” cho lớp Trí Thức “*Salon*”, chưa bao giờ thoát ra khỏi “*bốn bức tường Hàn Lâm*” để trở thành một Đạo Sống như nền Minh Triết Đông Phương cả !

Thật ra, có một lần muốn “*phiêu lưu*” vào lãnh vực Chính trị với Ý Thức hệ MÁC-XÍT thì *Triết Tây* đã gây ra một Thảm Họa **Khôn Lường** cho Nhân Loại mà nước Việt Nam thân yêu của chúng ta vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng **Độc Hai** của nó!

Trên đây tạm gọi là bảng Tổng Kết *sơ lược* về cái gọi là “*25 thế kỷ Triết Học DUY LÝ*” Tây Phương mà “*giới Tây Học*” gốc Việt ngày nay có vẻ đang hãnh diện được *Xúng Xính* trong đó như trong một bộ quần áo MỚI với dáng vẻ “*trình trọng*” của một “*trưởng giả học làm sang*” !

Tuy nhiên, mặt khác, về các tiêu chuẩn thường được mệnh danh là “*khoa học*”, “*khách quan*” liên quan đến các vấn đề như nguồn gốc, tư liệu hay công việc lượng giá, thẩm định thường dùng nhiều Lý Trí cùng với các *lý luận, chứng cứ*, nếu biết **Giới Hạn** trong việc xử dụng chúng như các yếu tố cần thiết của Phương Pháp nghiên cứu trong các lãnh vực liên hệ, thì điều này cũng **chỉ** nằm trong các sinh hoạt **bình thường** của công việc Khảo Cứu Hàn Lâm mà thôi ! Lẽ dĩ nhiên với điều kiện là chúng **KHÔNG** được xem là những Tiêu Chuẩn Duy

Nhất hoặc Độc Tôn trong công việc Nghiên Cứu nền Văn Hóa VIỆT!

Nhưng **đang tiếc** đó là điều thường xuyên xảy ra, tức là “giới Tây Học” gốc Việt thường có khuynh hướng xem như những Tiêu Chuẩn Độc Nhất những Giá Trị trên thực tế **Chỉ Đúng** đối với nền Văn Hóa Tây Phương mà thôi, lại muốn một cách rất chủ quan Cưỡng Bách, Áp Đặt chúng trong việc Nghiên Cứu nền Văn hóa VIỆT mà **KHÔNG** bày tỏ một Nỗ Lực *tối thiểu* nào nhằm thích nghi chúng với Môi Trường của nền Văn Hóa VIỆT cả !

Muốn HIỂU về phương diện **NỘI DUNG**, Văn Hóa VIỆT nói riêng và Văn Hóa Viễn Đông nói chung **KHÁC BIỆT** như thế nào với Văn Hóa Tây Phương, có lẽ cần phải trở lại với cái mà chúng tôi thường gọi trong một loạt bài viết trước đây là “**Khúc Rẽ giữa Triết Đông và Triết Tây**”.

Sau ‘**Khúc Rẽ**’ nói trên, bên Viễn Đông, Truyền Thống Tâm Linh vẫn tiếp tục, do đó sau cũng như trước Khổng Tử, Nho Giáo vẫn là một **ĐẠO SỐNG**. Trái lại, bên Tây Phương, Triết Học đã tách rời khỏi Minh Triết, để trở thành **DUY LÝ**, dưới hình thức một Tri Thức luận, một lãnh vực Chuyên Môn mà hệ quả là sau “**Khúc Rẽ**”, Triết Tây vì quá nhấn mạnh đến **Luận Lý Học HÌNH THỨC** nên không còn ảnh hưởng gì nhiều trên Đời Sống thực tế cả !

Trong khi đó, đối với Triết Đông, như đã nói ở trên, Đời Sống có tính cách **Toàn Diện** chứ không chỉ giới hạn nơi Lý Trí (**Duy Lý**), vì Sống đòi hỏi không chỉ có Suy Tư mà còn biết Cảm Xúc cũng như cả Hành Động tiến tới Hiện Thực nữa.

Tóm lại, đối với thành phần Ưu Tú nhất trong giới Trí Thức Tây Phương ngày nay, **DUY LÝ** kèm với các thứ “**Duy**” khác, là **Căn Bệnh Trầm Kha** của truyền thống Văn Hóa Tây Phương mà họ cảm thấy phải “*ra tay*” chữa trị, thì trái lại khi “*nhập cảng*” vào VN ngày nay, cái gọi là “Duy Lý” lại trở thành một phong trào **Thời Thượng** !

Do đó, không lạ gì mà *giới Tây Học* gốc Việt hiện nay đang mắc phải Căn Bệnh “*Sính*” **HÌNH THỨC** của Văn Hóa Tây Phương truyền thống ! Riêng đối với Tác giả bài viết, có lẽ do Tính tình, Sở thích cũng như lãnh vực Nghề nghiệp, Chuyên môn (*Phê Bình Văn Học*), “*căn bệnh Hình Thức*” có vẻ còn “*trầm trọng*” hơn trường hợp bình thường nữa !

Chẳng hạn, Tác giả viết: “Trong tâm lý chỉ thích kể chuyện và nghe kể chuyện, *các yếu tố kỹ thuật và ngôn ngữ bị xem là thứ yếu. Cả đến văn bản cũng trở thành thứ yếu.* Thói quen này biểu hiện rất rõ trong cả việc giảng dạy lẫn việc phê bình và nghiên cứu văn học của chúng ta: chỉ thích sa đà trong các vấn đề chung chung về bối cảnh lịch sử, tiểu sử tác giả và việc tóm tắt cốt truyện nhưng *rất ít khi dừng lại phân tích các yếu tố hình thức trong từng tác phẩm cụ thể.* (LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh).(20)

Hoặc trong một bài viết của Tác giả trước đây: “Đã đành dân tộc nào vào thuở sơ khai khi chưa có chữ viết hoặc chưa có điều kiện in ấn cũng đều yêu chuộng hình thức chuyện kể. Tuy nhiên hình như ở Việt Nam, lòng yêu chuộng ấy sâu đậm một cách khá đặc biệt. Sâu đậm đến độ , với người Việt Nam, quá khứ không có gì khác ngoài các câu chuyện kể.....*chúng ta kể đi kể lại không biết mệt mỗi từ chuyện Lạc Long Quân lấy Âu Cơ đến Trọng Thủy phản bội Mỵ Nương, chuyện Thánh Gióng nhổ tre đánh giặc* , chuyện Trưng Trắc trả thù chồng” (LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh).(21)

Hoặc: “Cuối cùng, khuynh hướng truyền miệng kéo dài cũng góp phần ngăn cản việc đa dạng hoá các phong cách văn học. Tồn tại **dưới hình thức truyền miệng là một cách tồn tại vô hình và thường thì vô danh.** *Nó không giống hình thức tồn tại dưới dạng sách với một hình thù nhất định để gọi ra cho người đọc và cả người viết ý niệm về cấu trúc, về hệ thống, về các yếu tố hình thức của nghệ thuật; với một cách đọc thâm lắng và cô độc để gọi ra ý niệm về nhu cầu diễn dịch và phân tích, từ đó, làm nở rộ các hoạt động phê bình và nghiên cứu văn học; và với một tên tác giả*

nhất định để gọi cho người đọc và cả người viết ý niệm về bản sắc cá nhân. Tính chất truyền khẩu đã làm cho hàng ngàn câu ca dao từ vô số địa phương khác nhau trở thành hao hao như nhau: **đó là một sinh hoạt tập thể, mang năng tính chất tập thể** (LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh).(22)

Thì quả là như thế ! Hay nói cho được chính xác hơn, các sinh hoạt Văn Hóa trong nước VIỆT Truyền Thống có tinh cách **CÔNG THỂ** (*communautaire*), chứ **KHÔNG** phải là **Tập Thể** như Tác giả vừa phát biểu ở trên. Lý do là từ ngữ “Tập Thể” dễ khiến người ta liên tưởng đến phong trào Cộng Sản dựa trên “**Đoàn Lũ**” (Masse) mà về phương diện Triết Học, liên quan đến ý niệm **TỔNG CỘNG** (chứ **KHÔNG** phải **Tổng Hợp**). Mà hệ quả là “**Đoàn Lũ**” chỉ là sự **Cộng Lại** của nhiều Cá Nhân thuần khía cạnh *vật chất trừu hình*, lấy *bên ngoài* làm chính, do đó thường có tính cách **Bó Buộc**, **Cưỡng Bách** kiểu Cộng Sản nên cần phải gia tăng kiểm soát, giăng bủa nhiều tầng lưới công an, cảnh sát, mật vụ. Lề lối này của Cộng Sản là nhằm **PHẢN ỨNG** lại *cá nhân chủ nghĩa* và tình trạng *ý hệ đa tạp lung tung* của truyền thống Văn Hóa Tây Phương,

Tóm lại, “*giới Tây Học*” gốc Việt trước đây chỉ biết có một sự Lựa Chọn **duy nhất** là giữa *cá nhân chủ nghĩa* của Tư Bản một bên, và bên kia là *đoàn lũ chủ nghĩa* của Cộng Sản. Điều trên có lẽ cũng là một trong những Nguyên Nhân gây ra tình trạng **NGỘ NHẬN** nơi Tác giả bài viết đối với Văn Hóa VIỆT, khiến cho Tác giả ở đây chẳng hạn, có vẻ muốn “*đồng hóa*” tính cách “**tập thể đoàn lũ**” của phong trào Cộng Sản với tinh thần **Công Thể** của truyền thống Văn Hóa VIỆT.

Tuy nhiên, về *tinh thần Công Thể*, Học Giả Paul Mus có nhận xét thật đúng đắn như sau: “Trí thức không còn nhận định nổi được rằng thôn dân thích bị nuốt trôi vào Công Thể, vì nó không là đoàn lũ nhưng là **Công Thể** đầy áp tình người, nên đi đâu mặc, không sao quên được nơi quê tổ, nơi có bàn thờ tiên nhân. Những người đi làm trong các đồn điền được dư đồng nào hầu hết đều gửi

về nhà. Và sau khi hết hạn khế ước thì liền ra đi trở về với quê cũ, bỏ lại nơi đồn điền cái nhà đẹp hơn nơi quê, bỏ lại người vợ tạm mà thói tục cho phép lấy trong lúc “đất khách quê người” trước sự ngạc nhiên của người Tây phương, của trí thức trường giả đô thị...”(23)

Chắc Quý Độc Giả thấy ngay sự Khác Biệt **NỀN TẢNG** ở đây, một bên với tinh thần Công Thể là tính **TỰ NGUYỆN** của người Dân trong xã hội *Truyền Thống* VIỆT có thể được xem như **Điển Hình** cho xã hội *Loài Người* cách chung với đầy **Nhân Tính**, và bên kia như đã nói ở trên, tính cách **Bó Buộc, Cưỡng Bách** của xã hội **Bầy Đàn** kiểu *Súc Vật* như ta còn thấy trong xã hội CHXHCN tại VN ngày nay chẳng hạn !

Tuy nhiên, còn một Vấn Nạn nữa là *làm sao giải thích tính cách HẤP DẪN của Tinh Thần CÔNG THỂ* hay nói một cách khác *Mãnh Lực nào, xuất phát từ đâu* ? như Paul Mus vừa đề cập ở trên, *khiến người thôn dân xưa thích bị nuốt trôi vào Công Thể !!!*

Phải chăng **CHỈ** vì Tâm Lý TÒ MÒ *thích kể chuyện và nghe kể chuyện* về các điều liên quan đến Tiên Nhân Việt như Tác giả gợi ý ở trên: “ *chúng ta kể đi kể lại không biết mệt mỏi từ chuyện Lạc Long Quân lấy Âu Cơ đến Trọng Thủy phản bội My Nương, chuyện Thánh Gióng nhổ tre đánh giặc*” ? hay vì những lý do nào khác quan trọng hơn ?

Viết như trên chứng tỏ Tác giả **KHÔNG** “*nắm vững*” nội dung các khoa mới nhất như *Huyền Sử, Huyền Thoại học*..... cùng với những khám phá gần đây trong lãnh vực Nhân Văn như trong các khoa Phân Tâm học, Tâm Lý miền sâu....liên quan đến các vấn đề *Huyền Sử, Huyền Thoại*.

Thật ra, Âu Cơ, Lạc Long Quân, Thánh Gióng.... *không nhất thiết* là những “Nhân Vật” lịch sử cho bằng và chính yếu là những **SƠ NGUYÊN TƯỢNG** (*Archetype*) xuất phát từ Vô Thức Công Thông (*Collective Unconscious*) của dân tộc Việt . Do đó, ở

đây **KHÔNG** đơn thuần là vấn đề *thích kể chuyện và nghe kể chuyện* do bản tính Tò Mò hay vì lý do tâm thường nào khác như Tác giả làm tưởng, mà thực ra thì *cứ mỗi lần kể hay nghe kể* là một dịp cho người dân Việt truyền thống cùng với “*Sơ Nguyên Tượng*” **SÓNG LẠI** các biến cố làm nên Công Nghiệp của Tiên Nhân Việt !

Chẳng hạn về huyền thoại “*ba vĩ tích của Lạc Long Quân*”. Huyền sử kể rằng Lạc Long Quân đã tiêu diệt được Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh. Câu chuyện có nghĩa rằng Lạc Long Quân đã chống lại văn minh phương Bắc (*Ngư tinh cá sống dưới nước, Bắc phương thủy; phương Tây là Hồ tinh: vật tổ thú; Mộc tinh = phương Đông*) để duy trì văn hóa phương Nam hành Hỏa, chính ngọn lửa này đã nung đỏ khối sắt (*hồng = Viêm nhiệt*) liệng vào miệng con Ngư tinh, có nghĩa là lấy văn hóa Viêm tộc chống văn hóa của quần chúng thủy tộc (Bắc phương). Đó cũng chính là ngọn lửa đã phun ra từ miệng con ngựa của Phù Đổng Thiên Vương để đuổi quân thù. (*Thiên là dân, Vương là chủ, Phù Đổng Thiên Vương là tinh thần dân chủ của văn hóa phương Nam, của Việt tộc*). Xem thế đủ biết tinh thần văn hóa Việt tộc đã thành lập lâu đời trước những người từ phương Bắc đến sau dù thuộc dòng máu Viêm hay Hoa cũng chỉ ít lâu là bị “*giết*” như Ngư tinh... *nghĩa là bỏ tiếng nói, thói tục phương Bắc để nhân ngôn ngữ và phong thổ Việt Nam.*”(24)

Ngoài ra, nếu Tác giả có dịp nghiên cứu đề tài ***Biểu Tượng (Symbol) trong Tâm Lý học***, thì hy vọng sẽ hiểu rõ hơn Vấn Đề liên quan đến các ***Sơ Nguyên Tượng (Archetype)*** như Âu Cơ, Lạc Long Quân, Thánh Gióng.....đối với Dân Tộc VIỆT !

Nhưng trước tiên, ***Biểu Tượng*** là gì ? *Đó có thể là một dấu hiệu cụ thể gợi cho ta một thực thể trừu tượng hoặc vắng mặt*

Chẳng hạn, “*vuông trượng*” là một vật cụ thể, là *biểu tượng* cho ý niệm Vương quyền (trừu tượng)

Hoặc hình “tam giác cân” còn có tên là “*tam giác hoàn hảo*” là biểu tượng của Thượng Đế

Hoặc cái khăn tay bị bỏ quên là biểu tượng của một người vắng mặt.....

Câu hỏi được đặt ra ở đây, là các Biểu Tượng nêu trên có khả năng **TÁC ĐỘNG** hay không? Câu thưa là **CÓ** nếu chúng đi kèm với **Cảm Xúc**

Về trường hợp cái khăn tay bị bỏ quên, nó có thể đi kèm với “*Xúc Cảm*” nếu người vắng mặt là đối tượng của những tình cảm “*Yêu*” hay “*Ghét*” có thể kéo theo những hành động tương xứng: như cái khăn tay có thể bị hủy hoại nếu đối tượng bị “*ghét*” hoặc nó sẽ “*thay thế*” đối tượng nếu được “*yêu*”, khi đương sự vắng mặt !

Tóm lại, nếu **không** đi kèm với Cảm Xúc, thì các biểu tượng là những vật “**chết**” và không có giá trị gì cả về phương diện Nhân Văn !

Ngược lại, **nếu đi kèm với Cảm Xúc, Biểu Tượng sẽ trở thành một Thực Thể Sống Động với Quyền Năng Thực Sự, Và đó là điều quan trọng nhất!**(25)

Dựa trên những Khám Phá gần đây về Tiềm Năng **manh mẽ** của **Biểu Tượng** nhờ khả năng Tác Động **trực tiếp** trên Tiềm Thức **không** qua trung gian của Ý Thức, khoa Tâm Lý Miền Sâu đã áp dụng một cách rất hiệu nghiệm, các thành quả nêu trên trong việc chữa trị các chứng bệnh Tâm Thần, nhằm Bổ Túc cho các phương pháp , kỹ thuật thông thường của Phân Tâm học,

Ngoài ra, **các đặc tính nêu trên của Biểu Tượng** còn giúp hiểu rõ hơn Vai Trò và tầm Quan Trọng của **Sơ Nguyên Tượng** (Archetype) như Âu Cơ, Lạc Long Quân, Thánh Gióng.....đối với Dân Tộc VIỆT trong lãnh vực Huyền Sử, Huyền Thoại.

Trong ngành Tâm Lý học, chúng ta biết Sigmund Freud là người khám phá ra **Tiềm thức Cá nhân** (personal unconscious) gồm những mảnh ý thức bị dồn nén xuống khỏi bình diện ý thức...nhưng Carl Jung lại còn đi sâu hơn một độ nữa là khám phá ra đợt **Vô thức Cộng đồng** (collective unconscious). Phương pháp thăm dò của Jung ở đợt này là các thần thoại, huyền thoại của mọi sắc dân, càng biết nhiều càng hay để tìm ra những yếu tố **phổ biến** đâu đâu cũng có, như *vũ trụ* như những yếu tố *thời gian, núi, sông, biển, sao, trăng*..... với những chiều kích bao la vĩ đại, những **Biểu Tượng** chung trong nhân loại cổ sơ mà dân nào cũng thấy thí dụ *nước chỉ nguồn sống cũng như chỉ tiềm thức* và Jung gọi là **Sơ Nguyên Tượng** (*Archetype*), tức là những hình tượng đầu tiên và uyên nguyên nên có sức sống động thí dụ xuất hiện trong chiêm bao nhiều người: văn minh hay cổ sơ đều có cả, nên kết luận là **của chung Nhân Loại** (27)

Ngoài ra, ở phần trên, Tác giả có viết: Tồn tại dưới hình thức truyền miệng là một cách tồn tại vô hình và thường thì vô danh.

Quả đúng như thế ! Vì đó chính là nét *Đặc Trưng* và *Vai Trò* của **Biểu Tượng** và **Sơ Nguyên Tượng**.

Thật vậy, “Vai trò của **Biểu Tượng** (Symbol) là nhằm đưa Tâm thức con người từ cái Hữu Hình tới cái Vô Hình. Như thế, **Sơ Nguyên Tượng** còn gọi là **Linh Tượng** phải là một sự **Khải Linh** (Epiphany) tức làm xuất hiện lên cái không thể nói ra bởi trong phạm vi chính của nó thuộc Tiềm thức, Siêu hình, Siêu nhiên, Siêu thực. Biểu Tượng phải là sự Khải Linh ra cái gì to lớn, nó cũng như Nghệ Thuật dùng cái Hữu Hạn để khai phát ra cái Vô Hạn. Nói khác Biểu Tượng có cả *hữu hạn* lẫn *vô hạn* và chính vì nửa hữu hạn này mà biểu tượng có tính chất cu thể. Nhưng cần có nửa vô hình nữa mới là biểu tượng. Vô hình tức là mở sang cõi vô biên, vô tế bao gồm những phẩm chất không thể biểu thị và chính vì thế có tính cách hàm hồ với khả năng mang rất nhiều ý nghĩa “ (27), và mỗi lần kể lại có thể mặc một ý nghĩa khác, nhưng chẳng bao giờ mục cạn hết ý nghĩa của nó.

Nói cách khác, mỗi cá nhân khi có dịp kể lại câu chuyện chỉ đóng vai trò của một 'phát ngôn viên' của Tiềm thức Dân tộc ở một thời điểm và không điểm nhất định nào đó mà thôi ! Do đó, câu chuyện cần phải được kể đi, kể lại bởi nhiều người, bởi rất nhiều người trong quá khứ, vì như vừa nói ở trên, cứ mỗi lần kể lại có thể mặc một ý nghĩa khác, nhưng chẳng bao giờ mất cạn hết ý nghĩa của nó.

Mà hệ quả là phải trải qua muôn vạn lần kể đi kể lại bởi muôn vạn con người suốt dòng Lịch Sử dân tộc Việt thì Huyền sử, Huyền thoại mới có cơ hội thành hình !. Nghĩa là xuyên qua sự đóng góp của muôn vạn "phát ngôn viên" của Tiềm thức Dân tộc ở những thời điểm và không điểm khác nhau, cũng như nằm ngầm bên dưới mới chính là TÁC GIẢ Thực Sự của Huyền Sử, Huyền Thoại cùng với các Sơ Nguyên Tượng, "không ai khác hơn" là VÔ THỨC CÔNG THÔNG (Collective Unconscious) của Toàn Thể Dân Tộc VIỆT vậy!!!

Để Kết Luận, Huyền sử, Huyền thoại học là những khoa Nhân Văn mới nhất, cùng với các khoa Phân Tâm học, Tâm lý Miền sâu.....mà các Khám Phá gần đây giúp rọi ánh sáng vào lãnh vực Huyền thoại, Thần thoại, Truyền kỳ..... gọi ra những Dạng Thức, Ý Nghĩa Mới Mẻ hoàn toàn đi NGƯỢC LẠI với Chủ Trương của các "Tay" Duy Lý và Duy Sử trước đây.

Duy Sử là một hình thái áp dụng duy nghiệm hay óc tôn thờ khoa học vào lãnh vực Sử học Những người thuộc giới Nghiên Cứu đứng đầu ngày nay, không một ai chống đối việc áp dụng phương pháp Khoa Học vào lãnh vực Sử cả, nhưng vấn đề ở đây là phải áp dụng như thế nào cho đúng cách, đúng chỗ mà thôi ! Mà Duy Sử thường lại xử dụng phương pháp gọi là "Khoa Học" một cách quá trớn như áp dụng khoa học vào những chỗ không thể áp dụng hay chỉ nên áp dụng cách có chừng mực. Thí dụ những trang đầu lịch sử của một dân mà người ta quen gọi là tiền sử, ngoại sử, ở đâu cũng thường chứa rất nhiều Thần thoại, Truyền kỳ ... Vì thế

Duy Sử đã gây nên nhiều công phẫn với cả một phản ứng quật ngược trở lại.

Thật vậy, những thành phần Ưu tú Nhất trong giới Trí thức Tây phương ở thời Cận đại và Hiên đại trong rất nhiều địa hạt khác nhau: Triết học (*Gusdorf*) Nhân chủng học (*Lévi Strauss*), Xã hội học (*Gurvitch...*), Phân tâm học (*Freud* và nhất là *Jung*).v.v... **tất cả đều khám phá trở lại Giá trị của Thần thoại đến nỗi có thể nói bầu khí văn hóa thế kỷ trước là Logos (duy lý) thì thế kỷ này là Muthos mà ta có thể dịch là Vô ngôn.....**

Sở dĩ gọi là “**Vô ngôn**” vì chữ “*thần thoại*” cùng gốc với chữ “*câm*” (*Muthos = mutus*) nhưng không là câm vì tật nguyên mà vì óc tế vi trước những cái âm u sâu thẳm của con người không thể nói ra nên phải dùng lối “*nói mà không nói*” của những thần thoại truyền kỳ: nó không nói cho lý trí, là *lối nói thẳng = nói sao hiểu thế*, nhưng **nó nói đây mà phải hiểu kia**, phải vượt ra ngoài lời nói để tìm giữa những dòng chữ những khe lời cái nghĩa tàng ẩn của nó. như vậy thần thoại là một lối nói bắt người nghe phải vận dụng nhiều cơ năng: không những *lý trí* mà cả *tâm tình* nên gọi được là nói với tâm hồn và chính vì vậy nên còn sống đến tận ngày nay vì in sâu vào lòng hơn cả những lời nói thẳng. **Thời duy lý không hiểu được điều đó nên chỉ đập phá bôi nhọ mà không tìm hiểu, nói khác óc duy sử còn mang nặng tính chất tiêu cực nên đang bị vượt qua.** (28)

Lấy thí dụ trong Huyền Thoại Việt về câu chuyện Mẹ Âu Cơ sinh ra cái “***Bọc Trăm Trứng***” chẳng hạn: *Âu Cơ ở với Lạc Long Quân giáp một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày, trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con trai, bà đem về nuôi nấng, không cho ăn, cho bú mà tự nhiên trường đại, trí dũng song toàn, ai cũng úy phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường”*

Trong thế kỷ trước, khi người *Duy sử* đọc tới đây, thấy “**Mẹ Âu Cơ đẻ cái bọc trăm trứng**” thì liền chối bỏ, cho là Vô lý: người gì mà đẻ trứng, nhất là đẻ một lần những trăm trứng! Nói thế là

tại *Duy sử* không biết cất mình lên khỏi cõi hình thể. Nếu cất lên được thì gọi là *Hình nhi thượng*, bên trên cả sự lẫn lý, không còn hữu lý với vô lý nữa, vì đã *Siêu lý* rồi !

Nghĩa là, như đã đề cập ở trên, Huyền thoại *nói mà không nói* tức là **nó nói đây mà phải hiểu kia**, Tức là cần phải *tránh* hiểu theo *nghĩa đen*, vật chất trừ hình, mà phải biết *vươn lên* khỏi cõi hình thể nhằm đạt đến tầng **Ý Nghĩa** thâm sâu của nó !

Vậy nên, trong dòng văn của nền Văn Hóa VIỆT, **Me Âu Cơ** chính là hiện thân của Nguyên Lý MẸ, biểu tượng của nét **Hài Hòa lưỡng hợp**, của tinh thần **Công Thể tương trợ**, đem tình thương cốt nhục ràng buộc mọi người trong nước để tất cả coi nhau như thân nhân cùng một Bọc, “**Bọc Trăm Trứng**” (“Trăm” ở đây không có tính cách đo đếm mà với ý nghĩa là “Toàn Thể” và “Trứng” vì “vật biểu” của **Me Âu Cơ** là “Tiên” được thăng hoa từ “vật tổ” “Chim”)

Mà hệ quả là hai chữ “**Đông Bào**” (=cùng một bào thai) bắt nguồn từ huyền thoại **Bọc Trăm Trứng** đã gây âm vang một cách rất sâu xa và cụ thể vào xã hội Việt truyền thống chứ không chỉ dừng ở lối nói suông. Thí dụ trong Kinh Tế là thể chế **Bình Sản**, trong Nghệ Thuật là nét **Song Trùng**, trong Triết Lý là thể **Lưỡng Hợp**... khiến cho xã hội Việt xưa kia không làm bằng tranh đấu bóc lột mà bằng **Cộng Tác tương thân**

Điều trên giải thích lý do tại sao, như Học Giả Paul Mus nhận xét ở trên, **người thôn dân Việt xưa thích bị nuốt trôi vào Công Thể !!!**. Là vì họ tìm thấy ở đây hội đủ các điều kiện giúp họ trở về với con người **dịch thực** của chính họ, vượt qua được đợt ý thức hạn hẹp, đợt *tiềm thức cá thể* (personal unconscious), để đạt tới đợt **Vô thức Cộng thông** (collective unconscious) nhằm sửa soạn bước vào miền **Tâm Linh miên viễn** mà người xưa quen gọi là **HỒN DÂN TỘC!**

Gọi là **Vô thức Cộng thông** vì nó là tiếng nói của những ước vọng, nhu cầu sâu thẳm thuộc nhân tính mọi người, đến nỗi người ta

không cần ý thức cũng cảm được lơ mơ. Bởi vậy tiếng nói của nó tỏ ra trung thực để biểu lộ những sự thực bao la vượt lý trí cá nhân vì thế được gọi là nền “*Minh triết các quốc gia*” (la Sagesse des nations) hay ngày nay có khi Tâm phân kê là nền “*Minh triết tự phát*”, “*Minh triết vô thức*” (unconscious Wisdom) để chỉ tính chất đột khởi, hồn nhiên chưa bị ý hệ xuyên tạc, nguy tạo như nơi cá nhân ý thức (29)

Tóm lại, hình như có một sự **NGỘ NHẬN** To Lớn, *Nền Tảng* từ phía Tác giả bài viết khi tuyên bố :

“.....với người Việt Nam, quá khứ không có gì khác ngoài các câu chuyện kể.....*chúng ta kể đi kể lại không biết mệt mỏi từ chuyện Lạc Long Quân lấy Âu Cơ đến Trọng Thủy phản bội Mỵ Nương, chuyện Thánh Gióng nhổ tre đánh giặc* , chuyện Trưng Trắc trả thù chồng

 (LVT viết chữ nghiêng và nhấn mạnh)

có vẻ với ngụ ý rằng người Thôn dân Việt xưa *chỉ thích nghe kể đi kể lại những câu chuyện huyền thoại quen thuộc* do tâm lý tò mò như trẻ thơ thích nghe kể chuyện “*Cổ Tích*” chẳng? Mà hoàn toàn *không ngờ* rằng *Tiền Nhân Việt đã đi trước các khoa Nhân Văn mới nhất* hiện nay trong lãnh vực *Vê Sinh TÂM THẦN*

- như qua việc Thê Nghiệm tinh thần **Công Thê**, giúp tránh tình trạng *Án Úc* do những *ước muốn không được thỏa mãn nên bị giồn nén xuống làm thành Tiềm thức Cá nhân* (personal unconscious) gây ra đủ thứ bệnh tâm thần cho con người ngày nay và cũng là Đòi tượng Chữa trị của khoa **Phân Tâm học**,
- như qua các câu chuyện Huyền Thoại là dịp người Thôn dân Việt **SÓNG LAI** với các **Sơ Nguyên Tượng** (Archetype) giúp họ trở về với con người *thâm sâu* của chính họ ở đợt *Vô thức Công thông* (collective unconscious) mà căn cứ trên các khám phá gần đây nhất của các khoa Nhân Văn mới mẻ như Tâm lý

Miền sâu, Thần thoại học, là **SUỐI NGUỒN** của *Sáng Tạo, Hạnh Phúc và An Lạc*.

Ngoài ra tuy hiện nay bên Âu Mỹ đã có trào lưu “*phục hưng*” thần thoại ở nhiều lãnh vực khác nhau như vừa đề cập ở trên, *nhưng mới bằng cách đi tìm ý nghĩa của nó*. Đó mới là **sự nghiên cứu về**, tức một *tri thức suông*; còn **Huyền Sử thì muốn là một sự đi về với cả tâm hồn để sống lại những đức tính tiềm ẩn trong đó để được cảm hóa theo** (nên gọi là *văn hóa* theo nghĩa uyên nguyên).(30)

Và đó cũng là *Nhu Cầu* thật **CẤP THIẾT** đối với nước ta hiện nay sau hơn một thế kỷ bị các trào lưu văn hóa *cá nhân chủ nghĩa* của Thực Dân rồi *đoàn lũ chủ nghĩa* của Cộng Sản cả hai đều phát xuất từ môi trường văn hóa Tây Âu, đã và đang làm ***tan rã*** tinh thần Dân Tộc đến cùng tột. Vì thế chúng ta phải tìm cách trả lại cho dân tộc một thể **Quân Bình Mới** bằng cách lay tỉnh tỉnh thần **đoàn kết quốc gia** đã giúp Tiên Nhân ta viết nên những trang sử *oai hùng lâm liệt*; và cho được thể thì cần đến ngôn ngữ của **Vô thức Công thông** (collective unconscious) qua việc , như đã đề cập ở trên, cùng với các “**Sơ Nguyên Tương**” **SÓNG LẠI** các biến cố làm nên Công Nghiệp của Tiên Nhân Việt ! đồng thời là nội dung của những trang Huyền Sử tuy quen thuộc nhưng rất *thâm sâu* về Ý Nghĩa và cũng là Di Sản ***thiên liêng cao quý***, mà Tổ Tiên Lạc Việt đã “trôi trắng” lại cho muôn vạn thế hệ con cháu !

THẬT KHÁC XA với các bận tâm “*rất chuyên môn*”, “*rất hình thức , thời thượng*” mà ảnh hưởng có vẻ cũng “*rất giới hạn*” ở lãnh vực *Văn Học* hay chính xác hơn, *Phê Bình Văn học* của Tác giả bài viết qua nội dung của câu phát biểu ở trên: “.....Nó không giống hình thức tồn tại dưới dạng sách với một hình thù nhất định để gọi ra cho người đọc và cả người viết ý niệm về cấu trúc, về hệ thống, về các yếu tố hình thức của nghệ thuật; với một cách đọc thằm lặng và cô độc để gọi ra ý niệm về nhu cầu diễn

dịch và phân tích, từ đó, làm nở rộ các hoạt động phê bình và nghiên cứu văn học; và với một tên tác giả nhất định để gợi cho người đọc và cả người viết ý niệm về bản sắc cá nhân” !!!

Lê Việt Thường

CHÚ THÍCH

- 1) <http://minhtrietviet.net/the-su-xoay-van-3/>
- 2) Nguyễn Hưng Quốc <http://www.diendanthekey.net/2014/12/nguyen-hung-quoc-truyen-thong-truyen.html>
- 3) Idem
- 4) http://www.axl.cefan.ulaval.ca/francophonie/HIST_FR_s5_Renaissance.htm
- 5) Nguyễn Hưng Quốc, Idem
- 6) <https://www.catholic.org.tw/vntaiwan/kimdin3/hung08.htm>
- 7) http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C6%B0%C6%A1ng_ng_%E1%BB%AF_ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t
- 8) http://fr.geneawiki.com/index.php/Les_langues_r%C3%A9gionales_et_les_patois
- 9) http://www.axl.cefan.ulaval.ca/francophonie/HIST_FR_s2_Periode-romane.htm
- 10) http://www.axl.cefan.ulaval.ca/francophonie/HIST_FR_s3_Ancien-francais.htm
- 11) Idem
- 12) Idem
- 13) http://www.axl.cefan.ulaval.ca/francophonie/HIST_FR_s4_Moyen-francais.htm
- 14) Idem
- 15) Idem
- 16) Nguyễn Hưng Quốc, Idem
- 17) http://www.axl.cefan.ulaval.ca/francophonie/HIST_FR_s6_Grand-Siecle.htm

- 18) http://www.axl.cefan.ulaval.ca/francophonie/HIST_FR_s7_Lumieres.htm
- 19) Lê Việt Thường, “*Phương Pháp Khoa Học Khách Quan & Nền Triết Lý Việt Nam*” <http://vietnamvanhien.net/tasantutuongso25.pdf>
- 20) Nguyễn Hưng Quốc <http://www.diendanthekey.net/2014/12/nguyen-hung-quoc-truyen-thong-truyen.html>
- 21) Nguyễn Hưng Quốc, *Văn Hóa Văn Chương Việt Nam*, NXB Văn Mới 2002, CA, USA, tr.52
- 22) Nguyễn Hưng Quốc <http://www.diendanthekey.net/2014/12/nguyen-hung-quoc-truyen-thong-truyen.html>
- 23) Kim Định, “*Hồn Nước Với Lễ Gia Tiên*” III Qua Trào Thực Dân- Cổ Năng Ái <http://www.vietnamvanhien.net/HonNuocVoiLeGiaTien.pdf>
- 24) Kim Định, “*Việt Lý Tổ Nguyên*” VII Kết Phần I Việt Nho <http://vietnamvanhien.net/vietlytonguyen.html>
- 25) Pierre Daco, “*Les Prodigieuses Victoires De La Psychologie Moderne*” Mrabout Verviers, Belgique, 1973, tr.220-221
- 26) Kim Định, “*Loa Thành Đồ Thuyết*” III Từ Phân Tâm Tới Uyên Tâm <http://vietnamvanhien.net/loathanhdothuyet.pdf>
- 27) Idem
- 28) Kim Định “*Việt Lý Tổ Nguyên*” Phần I: Nguồn & Gốc <http://vietnamvanhien.net/vietlytonguyen.html>
- 29) Idem
- 30) Idem